

Bản án số: 106/2024/DS - PT
Ngày : 22 - 3 - 2024
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ND

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lại Văn Tùng

Các Thẩm phán: Ông Vũ Hà Nam;

Ông Mai Anh Tuấn.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Bùi Xuân Sơn - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh ND.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ND tham gia phiên toà:** Bà Mai Thị Bích Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh ND mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2023/TLPT-DS ngày 16-10-2023 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS – ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện YY bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 167/2024/QĐXX-PT ngày 08 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Hoàng Trung S, sinh năm 1955; Nơi thường trú: Xóm 1, Đại An, xã Yên Đồng, huyện YY, tỉnh ND;

- **Bị đơn:** Ông Hoàng Văn N, sinh năm 1964; Nơi thường trú: Xóm 1, Đại An, xã Yên Đồng, huyện YY, tỉnh ND;

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:** Ông Đỗ Xuân Đăng - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư An Đức, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội;

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Hoàng Thị C, sinh năm 1949; Nơi thường trú: Xóm 2, xã Yên Nhân, huyện YY, tỉnh ND;

2. Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1958; Nơi thường trú: Xóm Trung H1, thôn Đô Quan, xã Yên Khang, huyện YY, tỉnh ND;

3. Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1960; Nơi thường trú: Xóm 4, La Ngạn, xã Yên Đồng, huyện YY, tỉnh NĐ;

4. Bà Hoàng Thị O, sinh năm 1961; Nơi thường trú: Xóm 1, Đại An, xã Yên Đồng, huyện YY, tỉnh NĐ; Nơi cư trú: Số 36, Võ Văn Tần, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh;

5. Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1968; Nơi thường trú: Số nhà 13, khu phố 9, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

6. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1971; Nơi thường trú: Ấp Chà Là, xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau;

7. Ông Hoàng Văn H1, sinh năm 1974; Nơi thường trú: D11, Cầu Hang, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

8. Bà Hoàng Thị H2, sinh năm 1976; Nơi thường trú: D6, Nguyễn Ái Quốc, Cầu Hang, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

9. Bà Đoàn Thị X, sinh năm 1968; Nơi thường trú: Xóm 1, Đại An, xã Yên Đồng, huyện YY, tỉnh NĐ;

10. Bà Trịnh Thị Thời, sinh năm 1972; Nơi thường trú: Số nhà 13, khu phố 9, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

11. Anh Hoàng Văn Tấn, sinh năm 1970;

12. Ông Hoàng Thanh Vân, sinh năm 1945;

13. Bà Trần Thị Lưu, sinh năm 1948;

Cùng nơi thường trú: Xóm 1, Đại An, xã Yên Đồng, huyện YY, tỉnh NĐ;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Thanh Vân, bà Trần Thị Lưu là anh Hoàng Văn Tấn; Nơi thường trú: Xóm 1, Đại An, xã Yên Đồng, huyện YY, tỉnh NĐ;

Người đại diện theo ủy quyền của bà C, bà N, bà B, bà O, ông T, bà H, ông H1, bà H2 là ông Hoàng Trung S; Nơi thường trú: Xóm 1, Đại An, xã Yên Đồng, huyện YY, tỉnh NĐ.

- *Người kháng cáo:* Ông Hoàng Văn N là bị đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa: Ông Hoàng Trung S, bà Hoàng Thị N, ông Hoàng Văn N, Luật sư Đỗ Xuân Đăng, bà Đoàn Thị X có mặt. Bà Hoàng Thị B, bà Hoàng Thị C, bà Hoàng Thị O, ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Văn H1, bà Hoàng Thị H2, bà Trịnh Thị Thời, anh Hoàng Văn Tấn, ông Hoàng Thanh Vân, bà Trần Thị Lưu vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 28-10-2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 05-5-2021, bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn ông Hoàng Trung S trình bày:

Bố ông là cụ Hoàng Văn Lực (tên gọi khác là Hoàng Gia Lực) và mẹ là cụ Phạm Thị Xuân; hai cụ sinh được 10 người con gồm: Bà Hoàng Thị C, ông Hoàng Trung S, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị B, bà Hoàng Thị O, ông Hoàng Văn N, ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Văn H1, bà Hoàng Thị H2. Cụ Lực và cụ Xuân không có con riêng, con nuôi. Bố mẹ cụ Lực và cụ Xuân đều chết trước cụ Lực và cụ Xuân. Cụ Hoàng Văn Lực chết ngày 10-9-2006, cụ Phạm Thị Xuân chết ngày 07-8-1989; trước khi chết cụ Lực và cụ Xuân không để lại di chúc. Khối di sản của cụ Lực và cụ Xuân để lại gồm: 475m² đất, trong đó 260m² đất ở tại thửa số 61 và 215m² đất vườn tại thửa số 60 tờ bản đồ số 6, bản đồ địa chính xã Yên Đồng lập năm 1991 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999 đứng tên cụ Hoàng Văn Lực. Năm 2020 nhà nước thu hồi 25m² đất gồm: 24,2m² đất ở và 0,8m² đất vườn để làm đường trục phát triển và bồi thường số tiền là 203.750.000đ, số tiền này ông Hoàng Văn H1 đang quản lý. Như vậy diện tích đất của cụ Lực và cụ Xuân còn lại theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 450m², diện tích đất thực tế còn lại nhiều hơn 450m². Trên đất có ngôi nhà 05 gian gỗ xoan lợp ngói và công trình phụ 03 gian lợp ngói, năm 2009 ông Hoàng Văn N đã tự ý tháo dỡ ngôi nhà 05 gian gỗ xoan lợp ngói và công trình phụ 03 gian lợp ngói để xây dựng 03 gian từ đường như hiện nay. Diện tích đất ruộng của cụ Lực sau khi dồn điền đổi thửa còn lại là 490m² nằm trong tổng số 1.472m² đất ruộng của cụ Lực, ông H1, bà H2. Ông Hoàng Văn N đã được cụ Lực cho 150m² đất, sau khi nhà nước thu hồi đã được đền bù tiền và đất tái định cư. Tháng 9 năm 2020 ông Hoàng Văn N đã tự ý phá ngôi nhà cấp bốn của vợ chồng ông Hoàng Văn T xây trên đất của cụ Lực, cụ Xuân và xây dựng nhà mái tôn để ở.

Ông Hoàng Trung S đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của cụ Lực, cụ Xuân để lại gồm: 450m² đất ở, đất vườn; 490m² đất ruộng (ông S đề nghị lấy 488m² đất ruộng tại xứ đồng Dộng để chia); 05 gian nhà gỗ xoan lợp ngói; 203.750.000đ tiền nhà nước bồi thường thu hồi đất của cụ Lực, cụ Xuân cho 10 người con của cụ Lực, cụ Xuân bằng hiện vật theo quy định của pháp luật. Phần diện tích đất được chia của ông Hoàng Trung S, bà Hoàng Thị C, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị B, bà Hoàng Thị O, ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Văn H1, bà Hoàng Thị H2 đồng sở hữu, sử dụng chung; ông S là người đại diện quản lý và đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ H nhà.

* Tại bản tự khai ngày 22-6-2021 và quá trình làm việc tại Tòa án, bị đơn ông Hoàng Văn N trình bày: Bố ông là cụ Hoàng Văn Lực và mẹ là cụ Phạm Thị Xuân; bố mẹ ông sinh được 10 người con như ông Hoàng Trung S trình bày là đúng. Cụ Lực và cụ Xuân không có con riêng, con nuôi. Cụ Hoàng Văn Lực chết ngày 10-9-2006, cụ Phạm Thị Xuân chết ngày 07-8-1989; trước khi chết cụ Lực và cụ Xuân không để lại di chúc. Khối di sản của cụ Lực và cụ Xuân để lại gồm: 475m² đất,

trong đó 260m² đất ở tại thửa số 61 và 215m² đất vườn tại thửa số 60 tờ bản đồ số 6, bản đồ địa chính xã Yên Đồng lập năm 1991 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999. Năm 2020 nhà nước thu hồi 25m² đất để làm đường trục phát triển và bồi thường số tiền là 203.750.000đ. Diện tích đất của cụ Lực và cụ Xuân sau khi nhà nước thu hồi còn lại là 450m². Năm 1999 do ngôi nhà 05 gian xuống cấp, dột nát nên cụ Lực đã phá bỏ và xây dựng 60m² nhà mái bằng để ở; năm 2020 nhà nước mở đường vào toàn bộ ngôi nhà và đã được đền bù; trên thửa đất 60, 61 không còn tài sản gì của cụ Lực và cụ Xuân. Khi trưởng thành 09 người con của cụ Lực, cụ Xuân xây dựng gia đình và có chỗ ở ổn định ở nơi khác, chỉ có vợ chồng ông ở lại thửa đất đang tranh chấp phụng dưỡng cụ Lực, thờ cúng tổ tiên. Năm 1999 sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cụ Lực đã giao lại cho ông, vợ chồng ông là người nộp các khoản nghĩa vụ với Nhà nước đối với thửa đất số 60, 61 từ trước đến nay. Theo ước nguyện của cụ Lực khi con sống, mong muốn xây được ngôi nhà thờ để thờ cúng tổ tiên, do vậy sau khi cụ Lực mất, năm 2009 ông đã đứng ra xây dựng ngôi nhà thờ theo ước nguyện của cụ Lực để thờ cúng tổ tiên như hiện nay. Năm 2020 nhà của ông ở bị phá dỡ do nhà nước thu hồi đất làm đường trục phát triển, vì vậy ông có xây dựng nhà mái tôn rộng khoảng 90m² để ở trông coi nhà thờ và thờ cúng tổ tiên. Diện tích đất ruộng của cụ Lực được chia 466m² gồm ở đồng Ngò 68m², đồng Dọng 162m², đồng Diệc 236m². Đối với 03 gian nhà cấp bốn lợp ngói, bếp, chuồng lợn của vợ chồng ông T xây dựng từ năm 1993, năm 2004 vợ chồng ông T đi miền Nam làm ăn sinh sống. Do các công trình trên đã hỏng, không còn khả năng sử dụng nên ông đã phá đi để xây dựng nhà mái tôn để ở và trông coi nhà thờ.

Ông N có quan điểm đồng ý chia di sản thừa kế của cụ Lực, cụ Xuân để lại là diện tích đất ruộng và số tiền được đền bù khi nhà nước thu hồi đất là 203.750.000đ; đối với 05 gian nhà gỗ xoan lợp ngói do cụ Lực đã phá bỏ năm 1999 do dột nát không còn nữa; đối với diện tích đất tại thửa số 60, 61 tờ bản đồ số 06 bản đồ địa chính xã Yên Đồng lập năm 1991, ông N có quan điểm không chia diện tích đất này, để làm nơi thờ cúng chung do ông quản lý. Đối với yêu cầu của vợ chồng ông T buộc vợ chồng ông phải bồi thường trị giá tài sản do vợ chồng ông đã phá dỡ nhà cấp bốn lợp ngói, bếp, chuồng lợn là 100.000.000đ, ông không chấp nhận vì tài sản đã hư hỏng, không còn giá trị sử dụng.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Hoàng Thị C, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị B, bà Hoàng Thị O, ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Văn H1, bà Hoàng Thị H2 có lời khai thống nhất như sau: Bố, mẹ của các ông bà là cụ Hoàng Văn Lực và cụ Phạm Thị Xuân sinh được 10 người con như nguyên đơn trình bày là đúng. Cụ Hoàng Văn Lực chết ngày 10-9-2006, cụ Phạm Thị Xuân chết ngày 07-8-1989; trước khi chết cụ Lực và cụ Xuân không để lại di chúc. Lúc sinh thời cụ Lực và cụ Xuân xây dựng được 03 gian nhà gỗ lợp ngói ở mặt đường và 05 gian nhà gỗ lợp ngói cùng công trình phụ trên thửa đất có diện tích 625m² đất ở và đất vườn. Cụ Lực đã cho ông N 03 gian nhà gỗ lợp ngói và 150m² đất, còn lại 05 gian nhà gỗ lợp ngói và công trình phụ trên diện tích đất

475m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Hoàng Văn Lực. Năm 2020 nhà nước thu hồi 21,9m² đất ở và 87,7m² đất vượt lập và bồi thường số tiền là 203.750.000đ. Diện tích đất của cụ Lực và cụ Xuân còn lại theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 453,1m² đất ở, đất vườn và 488m² đất ruộng nằm trong diện tích 1.472m² đất ruộng của 03 khẩu gồm cụ Lực, bà H2, ông H1. Ông Hoàng Văn N đã được cụ Lực cho 150m² đất, sau khi nhà nước thu hồi đã được đền bù tiền và đất tái định cư. Tháng 9 năm 2020 ông Hoàng Văn N đã tự ý phá ngôi nhà cấp bốn của vợ chồng ông Hoàng Văn T xây trên đất của cụ Lực, cụ Xuân và xây dựng nhà mái tôn để ở nhằm mục đích chiếm đoạt toàn bộ diện tích đất của cụ Lực, cụ Xuân để lại.

Bà Hoàng Thị C, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị B, bà Hoàng Thị O, ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Văn H1, bà Hoàng Thị H2 đề nghị Toà án chia di sản thừa kế của cụ Lực, cụ Xuân để lại bằng hiện vật, kỷ phần của các ông, bà được chia thống nhất để sở H chung, làm nơi thờ cúng tổ tiên và giao cho ông Hoàng Trung S đại diện, quản lý đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở H nhà. Đối với số tiền 203.750.000đ, các ông bà sẽ tự phân chia không yêu cầu Toà án giải quyết. Đối với 03 gian nhà cấp bốn lợp ngói và công trình phụ của vợ chồng ông T xây dựng năm 1993, tháng 9 năm 2020 vợ chồng ông N đã tự ý phá dỡ, vì vậy đề nghị Toà án buộc vợ chồng ông N phải bồi thường cho vợ chồng ông T.

* Tại đơn đề nghị, bản tự khai ông Hoàng Văn T và bà Trịnh Thị Thời trình bày: Khi cụ Lực còn sống có cho vợ chồng ông 215m² đất nằm trong diện tích đất của cụ Lực và cụ Xuân, năm 1993 vợ chồng ông xây dựng 03 gian nhà cấp bốn lợp ngói, bếp, chuồng lợn và sinh sống ở đó đến năm 2004 mới đi miền Nam làm ăn và thi thoảng vẫn đi về ở tại căn nhà này. Tháng 9 năm 2020, vợ chồng ông Hoàng Văn N đã tự ý phá toàn bộ các công trình xây dựng của vợ chồng ông xây trên đất của cụ Lực, cụ Xuân. Ông Hoàng Văn T và bà Trịnh Thị Thời yêu cầu Toà án giải quyết, buộc vợ chồng ông Hoàng Văn N và bà Đoàn Thị X phải bồi thường trị giá tài sản đã tự ý phá dỡ là 100.000.000đ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn Tấn đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của ông Vân và bà Lưu trình bày: Hiện nay anh đang quản lý, sử dụng thửa đất số 64 tờ bản đồ số 06 bản đồ địa chính xã Yên Đồng lập năm 1991 đứng tên ông Hoàng Thanh Vân (bố anh Tấn) giáp với đất hộ cụ Lực về phía Nam. Năm 2002, khi cụ Lực còn sống thì gia đình anh xây nhà có thống nhất với cụ Lực đổi phần đất liền kề của hai gia đình NH1 không có làm thủ tục, giấy tờ gì. Sau khi đổi đất, hai gia đình đã xây dựng công trình kiên cố, xây tường rào sử dụng ổn định cho đến nay, không xảy ra tranh chấp gì; hai bên gia đình nhất trí với hiện trạng đất như hiện nay.

* Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định và thành lập Hội đồng định giá tài sản. Tuy nhiên hai lần xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản vào ngày 28-6-2022 và ngày 10-01-2023 vợ chồng ông N bà X

gây khó khăn, cản trở không cho xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Ngày 09-3-2023 Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định và thành lập Hội đồng định giá tài sản, nH1 ông N vắng mặt, bà X không cho đo đạc thửa đất.

* Toà án chỉ xem xét, thẩm định được đối với các công trình xây dựng trên đất, xem xét thẩm định tại hồ sơ địa chính, làm việc với Phòng tài nguyên và môi trường huyện YY thấy: Thửa đất số 60 diện tích 215m² đất vườn, thửa đất số 61 diện tích 260m² đất ở, tờ bản đồ số 6, bản đồ địa chính xã Yên Đồng lập năm 1991 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999, đứng tên cụ Hoàng Văn Lực, địa chỉ: Xóm 1, thôn Đại An, xã Yên Đồng, huyện YY, tỉnh ND. Thửa đất số 61 diện tích 95m² đất ở, thửa đất số 63 diện tích 55m² đất ở, tờ bản đồ số 6, bản đồ địa chính xã Yên Đồng lập năm 1991 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999, đứng tên ông Hoàng Văn N (con cụ Lực), địa chỉ: Xóm 1, thôn Đại An, xã Yên Đồng, huyện YY, tỉnh ND.

Sau khi nhà nước thu hồi đất để làm đường trục phát triển cho đến nay thì hiện trạng các thửa đất số 60, 61, 63 tờ bản đồ số 6, bản đồ địa chính xã Yên Đồng lập năm 1991 vẫn giữ nguyên như sơ đồ hiện trạng tài sản gắn liền với đất tháng 3 năm 2019 của Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện YY.

Ngày 09-9-2020 Ủy ban nhân dân huyện YY đã ban hành quyết định số 6002/QĐ-UBND về việc thu hồi 109,7m² đất của hộ cụ Hoàng Văn Lực thuộc thửa đất số 60, 61 tờ bản đồ số 6, bản đồ địa chính xã Yên Đồng lập năm 1991 trong đó có 84,7m² đất lần chiếm, 24,2m² đất ở tại thửa đất số 61 và 0,8m² đất vườn tại thửa đất số 60. Như vậy sau khi nhà nước thu hồi đất thì diện tích đất của cụ Hoàng Văn Lực theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn lại là 450m², trong đó thửa đất số 60 còn lại 214,2m² đất vườn; thửa đất số 61 còn lại 235,8m² đất ở. Sau khi nhà nước thu hồi đất đã bồi thường, hỗ trợ số tiền là 203.750.000đ, số tiền này ông Hoàng Văn H1 là người đại diện nhận và quản lý.

Ngày 09-9-2020 Ủy ban nhân dân huyện YY đã ban hành quyết định số 6001/QĐ-UBND về việc thu hồi 117,6m² đất của hộ ông Hoàng Văn N thuộc thửa đất số 61, 63, tờ bản đồ số 6, bản đồ địa chính xã Yên Đồng lập năm 1991, trong đó có 95m² đất ở tại thửa đất số 61 và 22,6m² đất ở tại thửa đất số 63. Như vậy sau khi nhà nước thu hồi đất thì diện tích đất của hộ ông Hoàng Văn N theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn lại là 32,4m² đất ở tại thửa đất số 63. Sau khi nhà nước thu hồi đất đã bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho hộ ông N.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp năm 1999 cho cụ Lực, ông N thì tổng diện tích đất của các thửa 60, 61, 63 sau khi nhà nước thu hồi đất để làm đường trục phát triển còn lại 482,4m². Theo sơ đồ hiện trạng tài sản gắn liền với đất tháng 3 năm 2019 sau khi nhà nước thu hồi đất để làm đường trục phát triển thì tổng diện tích đất của các thửa 60, 61, 63 còn 519,8m². Như vậy diện tích hiện trạng của các thửa 60, 61, 63 nhiều hơn 37,4m² so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sở dĩ có việc tăng thêm 37,4m² so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do năm 2002, cụ Lực và gia đình ông Vân đã đổi phần đất liền kề của

hai gia đình nên đất cụ Lực tăng thêm 29,1m² đất ở, ngoài ra còn lấn chiếm đất công là 8,3m² về phía Bắc của thửa đất.

Tài sản trên đất: Trên thửa đất số 60, 61 không còn công trình xây dựng nào của cụ Hoàng Văn Lực và vợ chồng ông Hoàng Văn T. Hiện nay trên thửa đất số 60 có 01 ngôi nhà xây gạch đỏ lợp mái tôn diện tích 90,5m², trước nhà có 01 lán bán mái lợp tôn diện tích 35,55m²; 01 lán lợp proximang 5m² xây dựng năm 2020. Trên thửa đất số 61 có 01 nhà thờ vì kèo gỗ lợp ngói đỏ, hiên tây diện tích 52,5m² xây dựng năm 2009; phía Bắc và phía Tây thửa đất số 60, 61, 63 được rào bởi lưới B40, cột bê tông; ngoài ra trên đất còn có một số chậu cây cảnh. Tất cả các tài sản trên thửa đất số 60, 61, 63 là của vợ chồng ông Hoàng Văn N.

Đối với đất ruộng, năm 1993 hộ gia đình cụ Hoàng Văn Lực được nhà nước chia ruộng cho 03 nhân khẩu gồm cụ Hoàng Văn Lực, ông Hoàng Văn H1, bà Hoàng Thị H2 với tổng diện tích 1.619m². Sau 02 lần dồn điền đổi thửa vào năm 2003 và 2013 thì diện tích đất ruộng của 03 nhân khẩu còn lại 1.472m², như vậy 01 nhân khẩu là 490,67m². Hiện đất được chia ở các xứ đồng: Đồng Dọng diện tích 488m², thửa đất số 13, tờ bản đồ số 11, bản đồ địa chính xã Yên Đồng lập năm 2013. Đồng Ngò diện tích 204m², thửa đất số 42, tờ bản đồ số 11, bản đồ địa chính xã Yên Đồng lập năm 2013; Đồng Riệc diện tích 710m², thửa đất số 318, tờ bản đồ số 17, bản đồ địa chính xã Yên Đồng lập năm 2013. Đồng Vỡ diện tích 70m², thửa đất số 21, tờ bản đồ số 11, bản đồ địa chính xã Yên Đồng lập năm 2013.

Theo định giá tài sản ngày 09-3-2023, của Hội đồng định giá tài sản huyện YY: Đất ở có giá 10.000.000đ/1m²; đất vườn có giá 6.000.000đ/1m²; đất ruộng có giá 200.000đ/1m². Tài sản trên đất gồm: Nhà ở lợp mái tôn giá trị còn lại 201.240.000đ; lán mái tôn giá trị còn lại 13.758.000đ; trần nhựa giá trị còn lại 13.176.000đ; nhà thờ giá trị còn lại 138.878.000đ; bếp lợp proximang không còn giá trị nên Hội đồng định giá không định giá; đối với cây cảnh trên chậu, hàng rào lưới B40, cột bê tông di dời được nên không định giá. Ngoài ra đương sự không yêu cầu định giá tài sản nào khác.

* Bản án sơ thẩm số 07/2023/DS – ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện YY đã quyết định: Căn cứ vào các Điều 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660, 688 và Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 105, 106 Luật đại năm 2003; Điều 167, 170, 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Trung S về việc chia di sản thừa kế của cụ Hoàng Văn Lực (Hoàng Gia Lực) và cụ Phạm Thị Xuân.

Xác nhận di sản thừa kế của cụ Hoàng Văn Lực và cụ Phạm Thị Xuân để lại gồm: 479,1m² đất ở, đất vườn tại thửa đất số 60, 61 tờ bản đồ số 6, bản đồ địa chính xã Yên Đồng lập năm 1991; 488m² đất nông nghiệp tại xứ đồng Dộng có số thửa 13, tờ bản đồ số 11, bản đồ địa chính xã Yên Đồng lập năm 2013, có địa chỉ tại Xóm 1 Đại An xã Yên Đồng huyện YY tỉnh ND; 203.750.000đ tiền bồi thường, hỗ trợ diện tích đất của cụ Lực, cụ Xuân khi nhà nước thu hồi đất. Tổng giá trị di sản thừa kế là 4.235.550.000đ.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Hoàng Trung S, bà Hoàng Thị C, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị B, bà Hoàng Thị O, ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Văn H1, bà Hoàng Thị H2 gộp 09 kỷ phần thừa kế được chia thành khối tài sản chung, giao cho ông Hoàng Trung S quản lý để làm nơi thờ cúng.

Chia di sản thừa kế:

Chia cho ông Hoàng Trung S, bà Hoàng Thị C, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị B, bà Hoàng Thị O, ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Văn H1, bà Hoàng Thị H2 được thừa kế quyền sử dụng 251,4m² đất trong đó 37,2m² đất ở và 214,2m² đất vườn tại thửa đất số 60, 61 tờ bản đồ số 6, bản đồ địa chính xã Yên Đồng lập năm 1991, được giới hạn bởi các điểm từ 6-7 = 7.58m; 7-17 = 2.60m; 16-17 = 6.08m; 16-9 = 14.13m; 9-10 = 0.64m; 10-11 = 1.03m; 11-12 = 16.68m; 6-12 = 15,94m có trị giá là 1.657.200.000đ và được quyền sở H các tài sản trên đất do vợ chồng ông N bà X xây dựng gồm: 01 ngôi nhà xây gạch đỏ lợp mái tôn diện tích 90,5m², trước nhà có 01 lán bán mái lợp tôn diện tích 35,55m², bếp lợp proximăng có trị giá là 228.174.000đ; 488m² đất nông nghiệp tại xứ đồng Dộng có tứ cận: Cạnh phía Đông = 76,2m; cạnh phía Tây = 78,7m; cạnh phía Bắc = 6,3m; cạnh phía Nam = 6,3m có trị giá là 97.600.000đ, tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 11, bản đồ địa chính xã Yên Đồng lập năm 2013; địa chỉ tại: Xóm 1 Đại An xã Yên Đồng huyện YY tỉnh ND; số tiền 203.750.000đ bồi thường, hỗ trợ diện tích đất của cụ Lực, cụ Xuân khi nhà nước thu hồi đất (số tiền này ông H1 là người nhận khi nhà nước bồi thường, hỗ trợ). Tạm giao cho ông Hoàng Trung S, bà Hoàng Thị C, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị B, bà Hoàng Thị O, ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Văn H1, bà Hoàng Thị H2 quản lý, sử dụng 8,3m² đất lán chiếm tại phía Đông Bắc của diện tích đất được chia, được giới hạn bởi các điểm 7-8 = 8.48m; 8-16 = 1.19m; 16-17 = 6.08m; 17-7 = 2.60m. Các đường sự được mở lối đi ra của thửa đất ở phía Bắc thông ra đường trục phát triển.

Chia cho ông Hoàng Văn N được thừa kế quyền sử dụng 227,7m² đất ở có trị giá là 2.277.000.000đ, tại thửa đất số 61, tờ bản đồ số 6, bản đồ địa chính xã Yên Đồng lập năm 1991. (Ngoài diện tích đất được chia thừa kế còn có 32,4m² đất ở tại thửa 63, tờ bản đồ số 6, bản đồ địa chính xã Yên Đồng lập năm 1991 là diện tích đất còn lại sau khi nhà nước thu hồi đất làm đường trục phát triển của hộ ông N) có địa chỉ tại: Xóm 1 Đại An xã Yên Đồng huyện YY tỉnh ND. Diện tích 260,1m² đất trên được giới hạn bởi các điểm từ 1-2 = 3.28m; 2-3 = 11.62m; 3-4 = 5.98m; 4-5 = 1.56m; 5-6 = 9.28m; 6-12 = 15.94m; 12-13 = 6.83m; 13-14 = 2.83m; 14-15 =

11.61m; 15-1 = 4.76m. Ông Hoàng Văn N và bà Đoàn Thị X được quyền sở H các tài sản trên đất được chia.

Ông Hoàng Văn N được hưởng 02 kỷ phần thừa kế với trị giá là 770.100.000đ; trị giá tài sản ông N được chia là 2.277.000.000đ, đối trừ với số tiền 228.174.000đ là trị giá 01 ngôi nhà xây gạch đỏ lợp mái tôn diện tích 90,5m², 01 lán bán mái lợp tôn diện tích 35,55m². Ông Hoàng Văn N và bà Đoàn Thị X có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho Hoàng Trung S, bà Hoàng Thị C, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị B, bà Hoàng Thị O, ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Văn H1, bà Hoàng Thị H2 với tổng số tiền là 1.278.726.000đ.

Ông Hoàng Trung S, bà Hoàng Thị C, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị B, bà Hoàng Thị O, ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Văn H1, bà Hoàng Thị H2 được chia di sản thừa kế với tổng trị giá tài sản là 1.958.550.000đ; 01 ngôi nhà xây gạch đỏ lợp mái tôn diện tích 90,5m², trước nhà có 01 lán bán mái lợp tôn diện tích 35,55m², bếp lập proximãng có trị giá là 228.174.000đ và được nhận chênh lệch tài sản từ ông Hoàng Văn N và bà Đoàn Thị X số tiền là 1.278.726.000đ. Tổng trị giá tài sản là 3.465.450.000đ.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế là trị giá ngôi nhà gỗ xoan 05 gian của cụ Lực và cụ Xuân.

Không chấp nhận yêu cầu của ông T, bà Thời về việc buộc ông N, bà X phải bồi thường cho vợ chồng ông T, bà Thời trị giá căn nhà và công trình phụ do ông N, bà X phá dỡ có trị giá là 100.000.000đ.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nH1 không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ông Hoàng Văn N và bà Đoàn Thị X có nghĩa vụ di dời các tài sản trên đất trừ (01 ngôi nhà xây gạch đỏ lợp mái tôn diện tích 90,5m², trước nhà có 01 lán bán mái lợp tôn diện tích 35,55m², bếp lợp proximãng) và bàn giao quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Trung S, bà Hoàng Thị C, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị B, bà Hoàng Thị O, ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Văn H1, bà Hoàng Thị H2 theo đúng quyết định của bản án.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ kê khai, đăng ký cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được chia theo quyết định của bản án tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và biện pháp thi hành án của các đương sự.

* Tại đơn kháng cáo ngày 17-9-2023 của ông Hoàng Văn N kháng cáo toàn bộ bản án số 07/2023/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân

huyện YY. Lý do kháng cáo không đồng ý chia di sản thừa kế của mẹ ông cụ Phạm Thị Xuân vì mẹ ông chết từ năm 1989 đến nay đã hết thời hiệu khởi kiện, ông là người chăm lo bảo quản di sản của mẹ ông nên phần di sản của cụ Xuân thì ông phải là người được hưởng. Ông không đồng ý lấy diện tích 488m² đất ruộng nông nghiệp tại xứ đồng Dọng là di sản của cụ Hoàng Văn Lực, đề nghị Tòa án chia đều di sản ruộng nông nghiệp của cụ Hoàng Văn Lực ở đồng Dọng, đồng Ngò, đồng Riệc, đồng Võ cho các đồng thừa kế. Khi Nhà nước thu hồi đất để làm đường trục phát triển có đền bù cho gia đình ông 8.000.000đ/1m² đất ở, 200.000đ/1m² đất vườn. Tòa án bắt gia đình ông mua lại với giá 10.000.000đ/1m² đất ở, 6.000.000đ/1m² đất vườn là quá cao. Ông là người có công chăm sóc cụ Lực và cụ Xuân lúc già yếu, duy trì bảo quản di sản của bố mẹ, thực hiện nghĩa vụ với nhà nước và thôn xóm mà trả công ông một xuất trị giá 385.050.000đ bằng với người không chăm sóc là không hợp lý. Gia đình ông tôn tạo nhiều nghìn mét khối đất mới được như hiện nay nH1 Tòa không định giá là thiếu. Hiện nay ngôi nhà xây gạch đỏ lợp mái tôn diện tích 90,5m², một lán bán mái tôn diện tích 35,55m², bếp lợp Proximang gia đình ông đang ở không bán nH1 Tòa bắt gia đình ông mua lại là không hợp lý. Ông trông coi và nộp thuế nghĩa vụ đất hàng năm từ năm 1999 đến nay Tòa trả cho các đồng thừa kế khác số tiền 203.750.000đ bồi thường hỗ trợ diện tích đất của cụ Lực khi Nhà nước thu hồi là không đúng, chưa có biên bản họp gia đình, chưa có chữ ký của ông N, anh Nguyễn Hoàng Hà, con bà Hoàng Thị B, ông yêu cầu số tiền đền bù 203.750.000đ phải trả cho ông, ông không đồng ý chia diện tích 260,1m² như trong sơ đồ bản án cho ông, yêu cầu Tòa chia tổng diện tích 450m² đất ở, đất vườn lại và ưu tiên cho ông được nhận vị trí đất trước.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Hoàng Trung S là nguyên đơn và là người đại diện uỷ quyền của bà Hoàng Thị C, bà Hoàng Thị O, ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Văn H1, bà Hoàng Thị H2, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị B vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại cấp sơ thẩm, không chấp nhận lý do kháng cáo của ông Hoàng Văn N, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết giữ nguyên như bản án sơ thẩm. Ông Hoàng Văn N và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, ông N xin bổ sung đề nghị huỷ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện YY, ông N và Luật sư không nhất trí chia di sản thừa kế của cụ Hoàng Văn Lực và cụ Phạm Thị Xuân chết để lại đối với diện tích đất tại thửa số 60, 61 tờ bản đồ số 06 bản đồ địa chính xã Yên Đồng lập năm 1991 mà để làm nơi thờ cúng chung do ông N quản lý, chỉ đồng ý chia di sản đất ruộng của cụ Lực chết để lại diện tích 488m² tại đồng Dọng, đồng Ngò, đồng Riệc, đồng Võ và số tiền được đền bù khi nhà nước thu hồi đất là 203.750.000đ. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ND tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tổ tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải

quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì thấy rằng di sản của cụ Hoàng Văn Lực và cụ Phạm Thị Xuân để lại gồm: Diện tích 479,1m² đất ở, đất vườn tại thửa đất số thửa số 60, 61 tờ bản đồ số 06 bản đồ địa chính xã Yên Đồng lập năm 1991 và 488m² đất nông nghiệp tại xứ đồng Dộng có số thửa 13, tờ bản đồ số 11, bản đồ địa chính xã Yên Đồng lập năm 2013, có địa chỉ tại Xóm 1 Đại An xã Yên Đồng huyện YY tỉnh NB; số tiền 203.750.000đ tiền bồi thường, hỗ trợ diện tích đất của cụ Lực, cụ Xuân khi nhà nước thu hồi đất. Tổng giá trị di sản thừa kế là 4.235.550.000đ, đã được Ủy ban nhân dân huyện YY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999 đứng tên cụ Hoàng Văn Lực. Năm 2020 nhà nước thu hồi 25m² đất gồm: 24,2m² đất ở và 0,8m² đất vườn để làm đường trục phát triển. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định chia cho ông Hoàng Văn N được thừa kế quyền sử dụng 227,7m² đất ở có trị giá là 2.277.000.000đ, tại thửa đất số 61, tờ bản đồ số 6, bản đồ địa chính xã Yên Đồng lập năm 1991. Buộc vợ chồng ông Hoàng Văn N và bà Đoàn Thị X có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho Hoàng Trung S, bà Hoàng Thị C, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị B, bà Hoàng Thị O, ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Văn H1, bà Hoàng Thị H2 với tổng số tiền là 1.278.726.000đ là có cơ sở, đảm bảo đúng pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của ông N là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của ông Hoàng Văn N làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Thanh Vân, bà Trần Thị Lưu đã uỷ quyền cho anh Hoàng Văn Tấn; bà Hoàng Thị C, bà Hoàng Thị B, bà Hoàng Thị O, ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Văn H1, bà Hoàng Thị H2 đã uỷ quyền cho ông Hoàng Trung S; Bà Thời, anh Tấn đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt họ không ảnh hưởng gì đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[3] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp về thừa kế tài sản”. Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện YY như Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định là đúng pháp luật.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Hoàng Văn Lực chết ngày 10-9-2006, ngày 28-10-2020 nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật dân sự, thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lực vẫn còn. Cụ Phạm Thị Xuân chết ngày 07-8-1989, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật dân sự; Điều 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990, thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Xuân được tính từ ngày 10-9-1990; ngày 28-10-2020 nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Xuân là hết thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên đến trước khi Toà án cấp sơ thẩm ra bản án, các bên đương sự không ai có yêu cầu áp dụng thời hiệu. Căn cứ khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm vẫn chia di sản thừa kế của cụ Xuân theo quy định của pháp luật là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[5] Xét về nội dung kháng cáo của ông Hoàng Văn N đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giải quyết huỷ bản án sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện YY xét xử lại thấy rằng: Về di sản thừa kế, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của tất cả các đương sự trong vụ án thì di sản của cụ Hoàng Văn Lực và cụ Phạm Thị Xuân được xác định như sau: Năm 2020, sau khi nhà nước thu hồi đất thì diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Lực và cụ Xuân còn lại 450m², trong đó 235,8m² đất ở, 214,2m² đất vườn và số tiền nhà nước bồi thường, hỗ trợ diện tích đất của cụ Lực và cụ Xuân bị thu hồi là 203.750.000đ. Theo hiện trạng diện tích đất của cụ Lực và cụ Xuân sau khi nhà nước thu hồi đất là 487,4m². Như vậy so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hiện trạng diện tích đất của cụ Lực và cụ Xuân tăng 37,4m² đất. Diện tích đất tăng thêm gồm 29,1m² đất nằm ở phía Nam của thửa đất do khi còn sống cụ Lực và gia đình ông Vân đổi đất cho nhau, hiện đã xây dựng công trình kiên cố, sử dụng ổn định không có tranh chấp gì nên xác định là di sản để chia. Đối với diện tích 8,3m² đất tại phía Bắc của thửa đất do lấn chiếm đất công nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Do vậy, có căn cứ xác định diện tích đất ở, đất vườn là di sản của cụ Lực và cụ Xuân theo hiện trạng là 479,1m². Sau khi dồn điền đổi thửa thì tổng diện tích đất nông nghiệp của cụ Lực, ông H1, bà H2 còn lại là 1.472m² ở các xứ đồng: Đồng Dọng diện tích 488m², đồng Ngò diện tích 204m², đồng Riệc diện tích 710m², đồng Vỡ diện tích 70m². Như vậy suất đất nông nghiệp của cụ Lực còn lại là 490,67m². Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn đề nghị lấy diện tích đất tại xứ đồng Dọng với diện tích là 488m², xác định là di sản thừa kế của cụ Lực để chia. Bị đơn đề nghị lấy theo tỷ lệ 1/3 đất nông nghiệp của cụ Lực ở các xứ đồng để chia cho các đồng thừa kế. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 9 Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND, ngày 26-4-2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ND thì thửa đất thuộc khu vực quy hoạch để sản xuất nông nghiệp sau khi tách thửa, thửa đất mới hình thành và thửa đất còn lại phải đảm bảo diện tích tối thiểu là 500m². Hội đồng xét xử xét thấy, để không làm manh mún, gây khó khăn cho quá trình sử dụng diện tích đất nông nghiệp là di sản của cụ Lực, cần thiết lấy diện tích gần tương đương 488m² đất

nông nghiệp tại xứ đồng Dộng xác định là di sản thừa kế của cụ Lực để chia là phù hợp.

[6] Đối với yêu cầu của ông Hoàng Trung S và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị C, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị B, bà Hoàng Thị O, ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Văn H1, bà Hoàng Thị H2 đề nghị chia di sản của cụ Lực và cụ Xuân để lại là 05 gian nhà gỗ xoan lợp ngói. Qua xem xét thẩm định tại chỗ thì trên thửa đất số 60, 61 tờ bản đồ số 6, bản đồ địa chính xã Yên Đồng lập năm 1991 đứng tên cụ Hoàng Văn Lực không còn bất cứ tài sản nào là di sản của cụ Lực và cụ Xuân để lại. Do vậy nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu chia di sản của cụ Lực và cụ Xuân là 05 gian nhà gỗ xoan lợp ngói không có căn cứ chấp nhận. Từ những nhận định trên có căn cứ xác định, di sản thừa kế của cụ Lực và cụ Xuân gồm: 479,1m² đất ở, đất vườn tại thửa đất số 60, 61 tờ bản đồ số 6, bản đồ địa chính xã Yên Đồng lập năm 1991; 488m² đất nông nghiệp tại xứ đồng Dộng có số thửa 13, tờ bản đồ số 11, bản đồ địa chính xã Yên Đồng lập năm 2013; 203.750.000đ tiền bồi thường, hỗ trợ diện tích đất của cụ Lực và cụ Xuân khi nhà nước thu hồi đất. Các công trình xây dựng trên đất là tài sản của vợ chồng ông N và bà X. Theo định giá tài sản ngày 09-3-2023, của Hội đồng định giá tài sản huyện YY: Đất ở có giá 10.000.000đ/1m² x 264,9m² = 2.649.000.000đ; đất vườn có giá 6.000.000đ/1m² x 214,2m² = 1.285.200.000đ; đất ruộng có giá 200.000đ/1m² x 488m² = 97.600.000đ và 203.750.000đ tiền bồi thường, hỗ trợ diện tích đất của cụ Lực và cụ Xuân khi nhà nước thu hồi đất. Như vậy, tổng di sản thừa kế của cụ Lực và cụ Xuân để lại có tổng trị giá là 4.235.550.000đ.

[7] Về công chăm sóc người để lại di sản, công sức duy trì, bảo quản di sản: Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự và lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì sau khi các con của cụ Lực, cụ Xuân trưởng thành đều lập nghiệp, làm ăn ở nơi khác, ông N ở gần chăm sóc cụ Xuân và cụ Lực lúc già yếu. Các nghĩa vụ với Nhà nước và thôn xóm chủ yếu ông N là người thực hiện. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định ông N là người có công chăm sóc cụ Lực và cụ Xuân lúc già yếu, có công trong việc duy trì, bảo quản di sản của cụ Lực và cụ Xuân. Vì vậy, khi chia di sản thừa kế của cụ Lực và cụ Xuân cần thiết tính công sức cho ông N bằng 01 suất thừa kế là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về hàng thừa kế: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà các đương sự đều thống nhất cụ Lực, cụ Xuân sinh được 10 người con gồm: Bà Hoàng Thị C, ông Hoàng Trung S, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị B, bà Hoàng Thị O, ông Hoàng Văn N, ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Văn H1, bà Hoàng Thị H2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật dân sự thì hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lực, cụ Xuân gồm có 10 người con như trên.

[9] Về giá trị mỗi suất thừa kế được hưởng: Di sản thừa kế của cụ Lực, cụ Xuân để lại được chia đều cho 11 suất thừa kế, trong đó có 10 suất thuộc hàng thừa kế thứ nhất và 01 suất là công chăm sóc, công sức trong việc duy trì, bảo quản di

sản của cụ Lực và cụ Xuân được tính cho ông N. Như vậy trị giá mỗi suất thừa kế được chia là 4.235.550.000đ/11 suất = 385.050.000đ.

[10] Về phân chia di sản thừa kế: Các đồng thừa kế là bà Hoàng Thị C, ông Hoàng Trung S, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị B, bà Hoàng Thị O, ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Văn H1, bà Hoàng Thị H2 đều yêu cầu chia di sản của cụ Lực, cụ Xuân bằng hiện vật và thống nhất để sở H chung, làm nơi thờ cúng tổ tiên và giao cho ông Hoàng Trung S đại diện, quản lý đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở H nhà. Hiện trên đất có công trình xây dựng là nhà thờ, diện tích 52,5m² xây dựng về phía Bắc của thửa đất. Phía Đông của thửa đất có 01 ngôi nhà xây gạch đỏ lợp mái tôn diện tích 90,5m², trước nhà có 01 lán bán mái lợp tôn diện tích 35,55m², bếp lợp proximăng. Để bảo đảm không làm ảnh hưởng đến các công trình xây dựng trên đất, Hội đồng xét xử xét thấy, cần chia cho ông Hoàng Văn N được thừa kế quyền sử dụng 227,7m² đất ở có trị giá là 2.277.000.000đ và các tài sản trên đất được chia, tại thửa đất số 61 tờ bản đồ số 6, bản đồ địa chính xã Yên Đồng lập năm 1991. Đối trừ với số tiền 228.174.000đ là trị giá các công trình do vợ chồng ông N, bà X xây dựng. Như vậy ông N, bà X có nghĩa vụ trả chênh lệch tài sản cho ông Hoàng Trung S, bà Hoàng Thị C, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị B, bà Hoàng Thị O, ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Văn H1, bà Hoàng Thị H2 số tiền là 1.278.726.000đ. Chia cho ông Hoàng Trung S, bà Hoàng Thị C, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị B, bà Hoàng Thị O, ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Văn H1, bà Hoàng Thị H2 được thừa kế quyền sử dụng 251,4m² đất, trong đó 37,2m² đất ở và 214,2m² đất vườn có trị giá là 1.657.200.000đ, tại thửa đất số 60, 61 tờ bản đồ số 6, bản đồ địa chính xã Yên Đồng lập năm 1991 và các tài sản trên đất do vợ chồng ông N, bà X tạo lập gồm: 01 ngôi nhà xây gạch đỏ lợp mái tôn diện tích 90,5m², trước nhà có 01 lán bán mái lợp tôn diện tích 35,55m², bếp lợp proximăng có tổng trị giá là 228.174.000đ; được thừa kế quyền sử dụng 488m² đất nông nghiệp có trị giá là 97.600.000đ, tại xứ đồng Dộng thuộc thửa đất số 13, tờ bản đồ số 11, bản đồ địa chính xã Yên Đồng lập năm 2013 và số tiền 203.750.000đ bồi thường, hỗ trợ diện tích đất của cụ Lực, cụ Xuân khi nhà nước thu hồi đất (số tiền này ông H1 là nhận khi nhà nước bồi thường, hỗ trợ); ngoài ra còn được nhận số tiền 1.278.726.000đ chênh lệch tài sản từ ông Hoàng Văn N và bà Đoàn Thị X. Như vậy tổng trị giá tài sản ông Hoàng Trung S, bà Hoàng Thị C, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị B, bà Hoàng Thị O, ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Văn H1, bà Hoàng Thị H2 được chia là 3.465.450.000đ.

[11] Đối với yêu cầu của ông Hoàng Văn T và bà Trịnh Thị Thời đề nghị buộc vợ chồng ông N, bà X phải bồi thường trị giá tài sản gồm 03 gian nhà cấp bốn lợp ngói, bếp, chuồng lợn là 100.000.000đ mà vợ chồng ông N đã tự ý phá dỡ. Theo lời khai của ông T và bà Thời thì các công trình trên được ông bà xây dựng vào năm 1993, năm 2004 ông bà vào miền Nam làm ăn sinh sống. Tháng 9 năm 2020 vợ chồng ông N đã tự ý phá toàn bộ các công trình trên. Quá trình giải quyết vụ án, ông T và bà Thời không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho

yêu cầu của mình; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ Toà án thu thập được thì các công trình trên đã xuống cấp, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng; khi xem xét thẩm định tại chỗ các công trình trên không còn. Do vậy yêu cầu của ông T, bà Thời không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

[12] Qua những phân tích nêu trên đã cho thấy những kết luận trong bản án sơ thẩm là hoàn toàn phù hợp với những quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên toà phúc thẩm ông N và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông N cũng không đưa ra được các chứng cứ và lý lẽ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Lý do kháng cáo của ông N là không có căn cứ. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của ông N không được chấp nhận cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[13] Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Ông Hoàng Trung S tự nguyện nộp toàn bộ và không yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Về án phí: Ông Hoàng Trung S, bà Hoàng Thị C, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị B, bà Hoàng Thị O là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí. Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009 thì ông Hoàng Trung S, bà Hoàng Thị C, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị B, bà Hoàng Thị O được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Văn H1, bà Hoàng Thị H2 mỗi người phải nộp 19.252.500đ án phí dân sự sơ thẩm đối với phần di sản được hưởng là 385.050.000đ. Ông Hoàng Văn N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 34.804.000đ đối với phần di sản được hưởng là 770.100.000đ.

[15] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Hoàng Văn N không được chấp nhận nên ông N phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nH1 được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng ông N đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại chi cục Thi hành án dân sự huyện YY theo biên lai số 0002487 ngày 20-9-2023, ông N đã thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

[16] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn N. Giữ nguyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 148; Điều 156; Điều 165; khoản 2 Điều 184; Điều 185; khoản 2

Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357; Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 614; Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 660; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Giữ nguyên Quyết định bản án sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 28-8-2024 của Tòa án nhân dân huyện YY, tỉnh Nam Định.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Hoàng Văn N phải nộp 300.000 đồng nH1 được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0002487 ngày 20-9-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện YY, tỉnh ND. Ông N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự nguyên đơn, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND tỉnh ND;
- VKSND huyện YY;
- TAND huyện YY;
- Chi cục THADS huyện YY;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lại Văn Tùng

